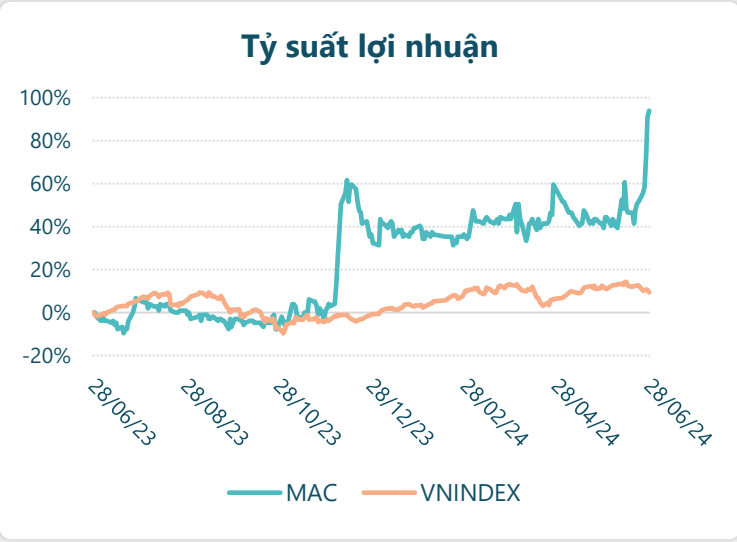


Ngày	19,200 VNĐ		
28/06/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	38.1%	35.2%	36.2%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	8,948 - 19,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	291
Số lượng CPLH (CP)	15,139,745
KLGD BQ 20 phiên (CP)	39,150
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.13
EPS	3,573
P/E	5.4



Doanh thu thuần
Q2/24

30.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 11.0 | 57.8%

YoY: ▲ 10.4 | 53.0%

Nợ/VCSH
Q2/24

14.4%

YoY: +/-▲ 8.2%

LN gộp
Q2/24

2.16

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.09 | 332%

YoY: ▼2.90 | -57.3%

ROE (TTM)
Q2/24

27.8%

YoY: +/-▲ 2.4%

LN trước thuế
Q2/24

30.2

tỷ VNĐ

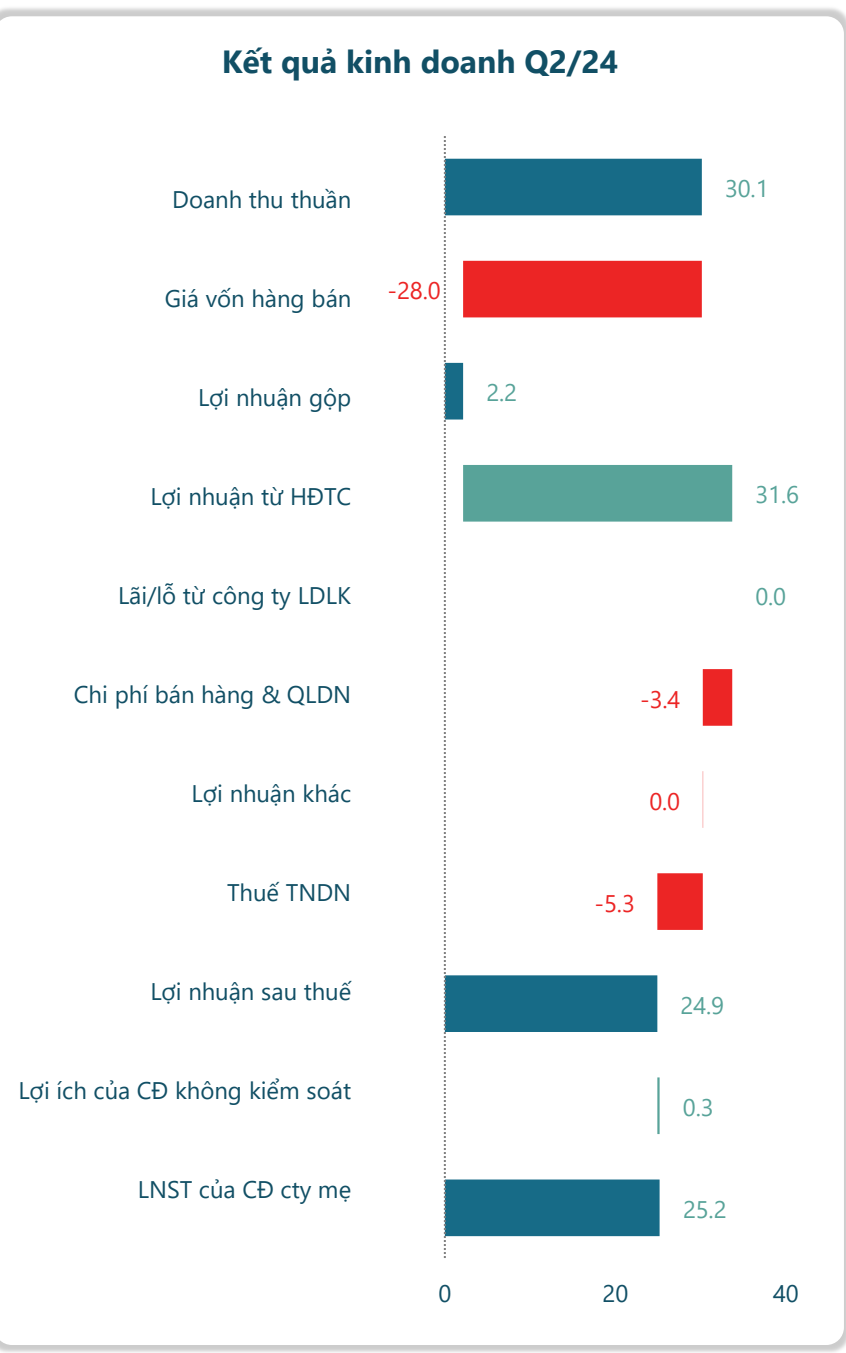
QoQ: ▲ 23.7 | 366%

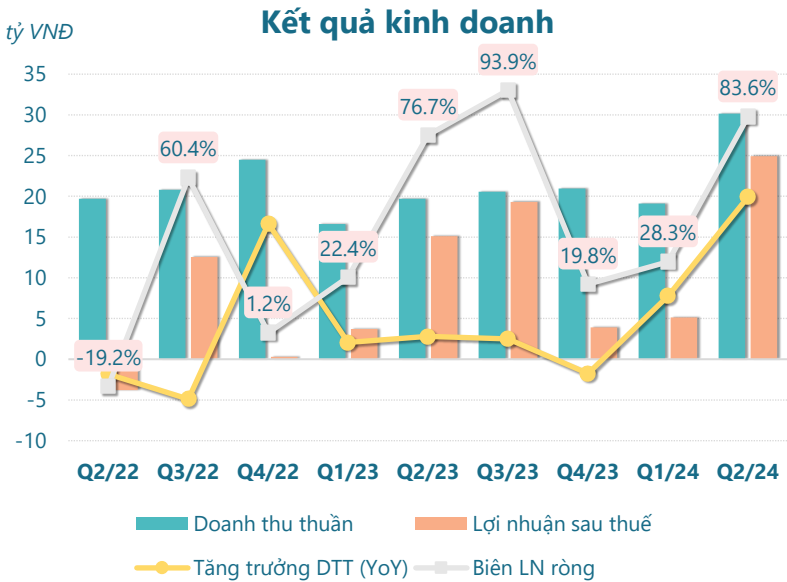
YoY: ▲ 14.0 | 86.7%

ROA (TTM)
Q2/24

24.4%

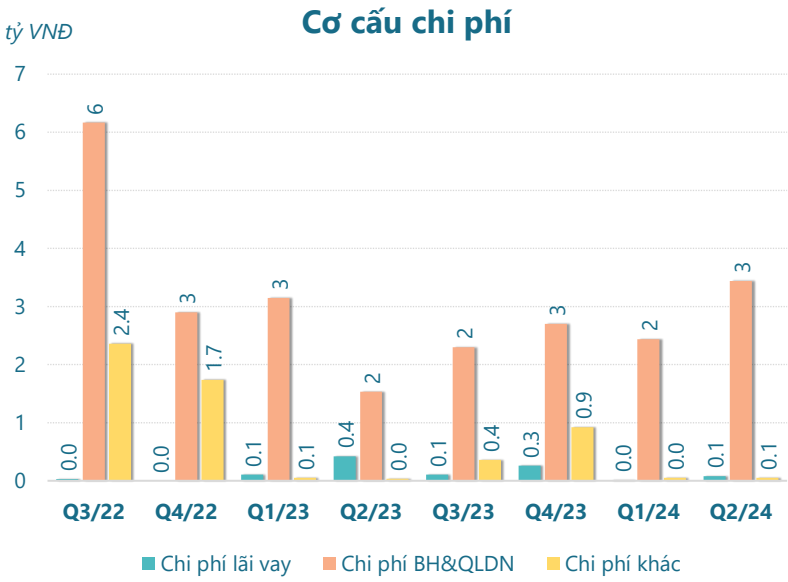
YoY: +/-▲ 0.9%





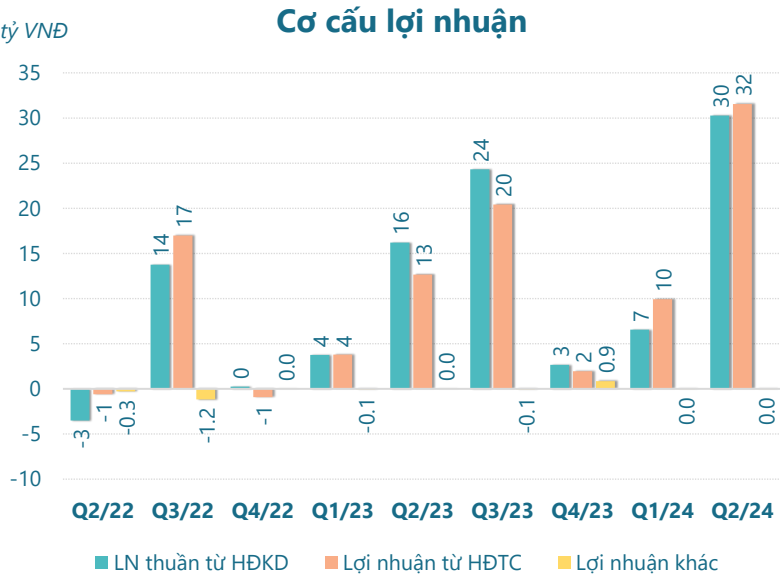
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 30.27 tỷ đồng**, tăng thêm 363% so với kỳ trước và cao hơn 87.0% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 31.55 tỷ đồng**, tăng thêm 218% so với kỳ trước và cao hơn 149% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 0.03 tỷ đồng** tăng thêm 0.02 tỷ đồng so với kỳ trước và thấp hơn 200% so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **MAC** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **30.14 tỷ đồng** tăng thêm **53.0%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 24.93 tỷ đồng, tăng trưởng 65.1%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **49.00 tỷ đồng** cao hơn 36.1% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 30.00 tỷ đồng** cao hơn 57.9% so với cùng kỳ năm trước.



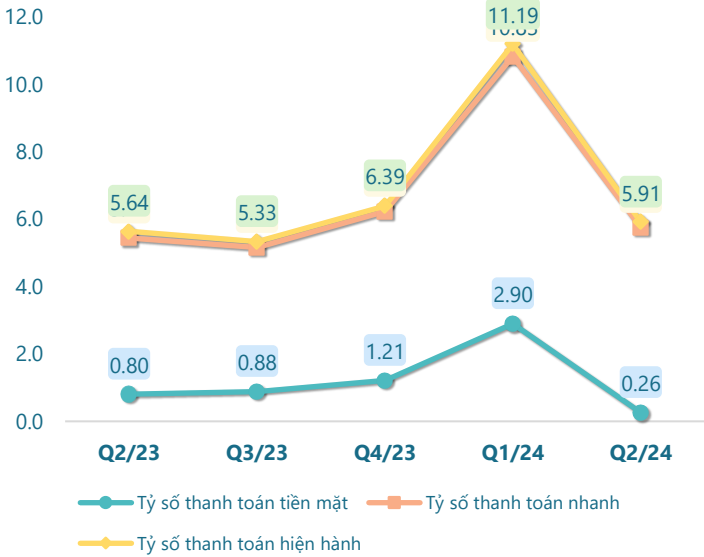
Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **0.08 tỷ đồng** tăng thêm 300% so với kỳ trước và thấp hơn 81.0% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **3.44 tỷ đồng** tăng thêm 41.0% so với kỳ trước và cao hơn 125% so với cùng kỳ năm trước.

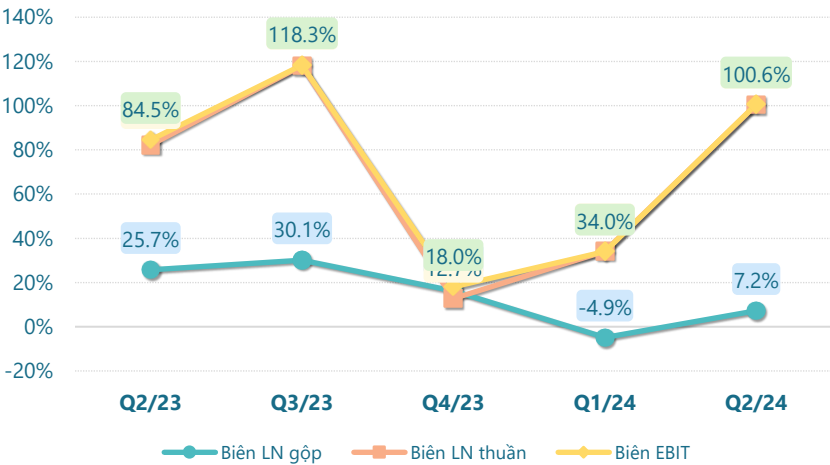
Chi phí khác bằng **0.05 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và cao hơn 25.0% so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	30.1	19.1	57.8%	19.7	53.0%	49.3	36.3	35.7%
Giá vốn hàng bán	28.0	20.0	39.9%	14.6	91.7%	48.0	28.1	70.9%
Lợi nhuận gộp	2.16	-0.93	332%	5.06	-57.3%	1.23	8.19	-85.0%
Doanh thu HĐTC	36.4	9.97	265%	12.6	189%	46.3	17.3	167%
Chi phí TC	4.82	0.06	7928%	-0.10	4917%	4.88	0.88	453%
Chi phí lãi vay	0.08	0.02	293%	0.42	-81.3%	0.09	0.52	-82.1%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.03	0.00		0.00		0.03	0	
Chi phí QLDN	3.41	2.44	39.7%	1.53	123%	5.85	4.68	25.0%
LN thuần từ HĐKD	30.3	6.54	363%	16.2	86.9%	36.8	20.0	84.3%
Lợi nhuận khác	-0.03	-0.05	49.6%	0.03	-184%	-0.07	-0.02	-288%
LN trước thuế	30.2	6.49	366%	16.2	86.7%	36.7	19.9	84.2%
Lợi nhuận sau thuế	24.9	5.13	386%	15.1	65.1%	30.1	18.8	59.7%
LNST của CĐ cty mẹ	25.2	5.41	366%	15.1	67.0%	30.6	18.8	62.6%

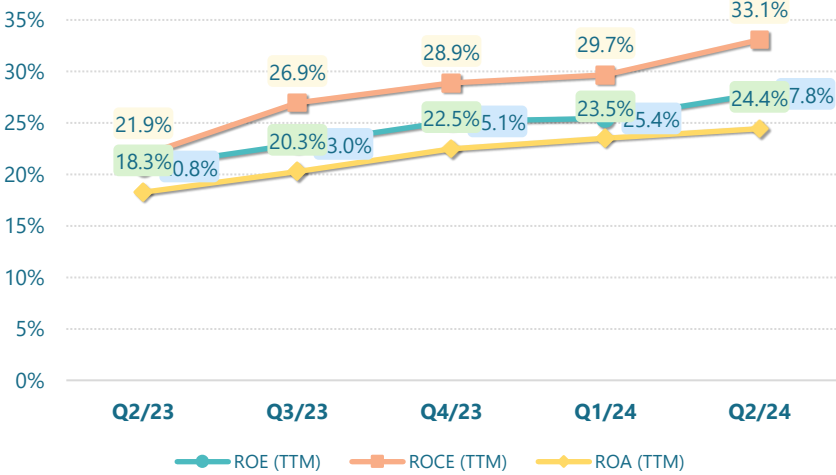
Chỉ số thanh khoản



Biên lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi



Vòng quay tài sản

